

Bản án số: 140/2020/DS - PT

Ngày: 24 - 6 - 2020

“V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán Ông Trương Công Thi

Ông Nguyễn Xuân Điền

- **T1 ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc *“Tranh chấp thừa kế tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1038/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: số 80 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2- Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: số 82 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Bà Võ Thị Thanh X, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú tại USA (Hoa Kỳ).

3.2- Bà Võ Thị Phương L, sinh năm 1949; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3- Ông Võ Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thanh X, bà Võ Thị Phương L và ông Võ Văn T: ông Võ Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: số 80 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo các Giấy ủy quyền ngày 01/02/2019, 02/4/2019,

20/3/2019); có mặt.

3.4- Ông Võ Văn T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 88 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3.5- Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1961 (chết ngày 18-01-2020)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ gồm có:

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1964 (vợ ông Đ) có mặt.
- Anh Võ Văn D, sinh năm 1986 (con ông Đ), có mặt.
- Cháu Võ Trần Bảo N1, sinh năm 2003, người đại diện hợp pháp của cháu N1 là bà Trần Thị N, có mặt.

Cùng địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.6- Ông Võ Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn D: ông Võ Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: số 80 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 24/8/2019); có mặt.

3.7- Bà Võ Thị Thùy T, sinh năm 1965; địa chỉ: số 82 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3.8- Bà Phạm Vũ Anh T1, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú tại: USA (Hoa Kỳ).

3.9- Ông Phạm Vũ Anh T1, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú tại nước ngoài: USA (Hoa Kỳ).

3.10- Ông Phạm T2, sinh năm 1948; địa chỉ cư trú tại nước ngoài: USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm T2, chị Phạm Vũ Anh T1 và anh Phạm Vũ Anh T1: ông Võ Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 80 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/5/2019 và 29/10/2019); có mặt.

3.11- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977 (là vợ của ông Võ Văn C); địa chỉ: Số 82 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3.12- Cháu Võ Văn T3, sinh năm 2002 và cháu Võ N1 Khánh T4, sinh năm 2011 (là con của ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị M); cùng địa chỉ: Số 82 L, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Võ Văn T3 và cháu Võ N1 Khánh T4 là ông Võ Văn C; có mặt.

3.13- Ông Lê Quốc C; địa chỉ: số 82 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; có yêu cầu vắng mặt các phiên tòa.

3.14- Anh Võ Thanh K, sinh năm 1989; địa chỉ: số 80 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Võ Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Võ Văn T trình bày:

Cha mẹ ông là ông Võ Văn Y (chết 2012) và bà Võ Thị C (chết 2004) có 10 người con là: Bà Võ Thị Thanh X, bà Võ Thị Phương L, bà Võ Thị Thu C1, (chết 2005, có chồng là ông Phạm T2 và hai con là Phạm Vũ Anh T1 và Phạm Vũ Anh T1), ông Võ Văn T, ông Võ Văn T, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Thùy T, ông Võ Văn C. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác. Ông bà nội, ngoại của ông đều đã mất từ lâu.

Cụ Y và cụ C có tạo lập được một khối tài sản chung là nhà, đất tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 79,4m², diện tích nhà sử dụng 107,68m² tại địa chỉ số 82 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số 3401090622 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/6/2000 đứng tên ông Võ Văn Y và bà Võ Thị C. T khi mất, cha ông có để lại Tờ chúc thư ngày 27/11/2005 với nội dung bán nhà, chia ra làm 12 phần, trong đó một phần giao cho bà Võ Thị Thùy T để lo kỵ giỗ thờ cúng ông bà, cha mẹ, một phần thì một nửa phần giao cho cháu đích tôn Võ Thanh K, một nửa phần giao cho ông Võ Văn T để lo kỵ giỗ thờ cúng bà C1, còn lại chia cho 10 người con. Ông xác nhận cha ông là người biết chữ, lập di chúc trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt, có tất cả 09 người con ký vào. Riêng cụ C khi mất không để lại di chúc. Hiện nay vợ chồng ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị M cùng hai con Võ Văn T3, Võ N1 Khánh T4 và bà Võ Thị Thùy T đang trực tiếp quản lý và sử dụng ngôi nhà này. Hiện trạng nhà và đất vẫn nguyên cũ, không có gì thay đổi.

Sau khi cha mẹ ông mất, vào năm 2018, các anh chị em đã họp gia đình lại để thỏa thuận về vấn đề phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại. Tại Biên bản họp gia đình ngày 24/3/2018, ông Võ Văn C là người đang sinh sống và quản lý nhà, đất hẹn đến ngày 01/12/2018 sẽ đưa ra quyết định về việc có bán nhà của cha mẹ để phân chia cho các anh chị em hay không. Tuy nhiên, đến nay ông Võ Văn C vẫn không đồng ý bán nhà để phân chia tài sản của cha mẹ để lại cho các đồng thừa kế.

Trong vụ án này, ông còn tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thanh X, bà Võ Thị Phương L, ông Võ Văn T, ông Võ Văn D, ông Phạm T2, chị Phạm Vũ Anh T1, anh Phạm Vũ Anh T1 đều thống nhất Tờ chúc thư lập ngày 27/11/2005 là do cha ông lập trước lúc qua đời, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và họ đều xin được nhận bằng tiền. Đối với kỷ phần thừa kế của bà Võ Thị C1 (chết năm 2005) do ông Phạm T2 (chồng bà C1) cùng các con Phạm Vũ Anh T1, Phạm Vũ Anh T1 nhận thừa kế đối với phần di sản của cha ông để lại thống nhất giao cho ông nhận để sau này lo hương khói cho bà Võ Thị C1.

- Bị đơn là ông Võ Văn C trình bày: Ông thống nhất với ông Võ Văn T về thời

điểm mở thừa kế của cụ Y, cụ C; hàng thừa kế, thời điểm chết của bà Võ Thị Thu C1 và khối di sản của cha mẹ ông là Võ Văn Y và Võ Thị C để lại như ông Võ Văn T đã trình bày. Hiện nay nhà và đất do vợ chồng ông cùng hai con là cháu Võ Văn T3 và cháu Võ N1 Khánh T4 và chị gái Võ Thị Thùy T đang ở và quản lý. Nhà và đất từ trước đến nay vẫn y như cũ, không có xây sửa gì cả; ông không có yêu cầu thanh toán chi phí bảo quản di sản và cũng không có yêu cầu nhận nhà vì không có khả năng thối tiền nếu Tòa án có căn cứ chia di sản thừa kế.

Qua đo đạc thực tế, sau khi quy hoạch tuyến đường L và bị thành phố thu hồi và căn cứ vào kết quả chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn chi nhánh Đà Nẵng thì ông thống nhất, không có ý kiến gì.

Theo ông, trước khi mất vào năm 2005, cha ông có để lại Tờ chúc thư, trong Tờ chúc thư thể hiện nguyện vọng của cha ông là giao nhà và đất này cho vợ chồng ông và chị gái ông ở và thờ cúng ông bà tổ tiên, không có mua bán hay chia chác gì cả. Còn đối với Tờ chúc thư do ông Võ Văn T cung cấp là không đúng sự thật. Do vậy, ông không đồng ý chia di sản của cha mẹ để lại mà theo nguyện vọng của cha ông trước khi mất là để làm nơi thờ tự, hương khói ông bà tổ tiên.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Võ Văn Đ trình bày trong quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm: ông thống nhất với phần trình bày của ông Võ Văn T về thời điểm chết của cha mẹ, về hàng thừa kế thứ nhất và khối di sản thừa kế của cha mẹ để lại là đúng. Đối với Tờ chúc thư lập ngày 27/11/2005 do ông Võ Văn T cung cấp có trong hồ sơ vụ án đúng là của cha ông là Võ Văn Y để lại, ông có ký vào Tờ chúc thư này. Ngoài Tờ chúc thư này không có Tờ chúc thư nào khác. Nội dung trong Tờ chúc thư cha ông nói rằng sẽ bán nhà, chia ra làm 12 phần, trong đó một phần giao cho bà Võ Thị Thùy T để lo kỵ giỗ thờ cúng ông bà, cha mẹ; một phần thì một nửa phần giao cho cháu đích tôn Võ Thanh K, một nửa phần giao cho ông Võ Văn T để lo kỵ giỗ thờ cúng bà C1, còn lại chia cho 10 người con. Ông xác nhận lúc cha ông lập đều có các anh chị em trong gia đình có mặt và ký vào tờ chúc thư này. Ông thống nhất với kết quả thẩm định giá mà Công ty cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn chi nhánh Đà Nẵng ban hành, không có ý kiến gì và có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế là nhà và đất và có nghĩa vụ thối trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ có Đơn trình bày đều thống nhất như bản án sơ thẩm đã quyết định, vì ông C không yêu cầu thanh toán chi phí bảo quản di sản nên thống nhất hỗ trợ cho ông Võ Văn C số tiền 250.000.000 đồng để ông C tạo lập nơi ở mới.

+ Ông Võ Văn T1 trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của ông Võ Văn T về hàng thừa kế thứ nhất và di sản thừa kế của cha mẹ để lại là đúng. Đối với Tờ chúc thư lập ngày 27/11/2005 do ông Võ Văn T cung cấp có trong hồ sơ vụ án đúng là do cha ông là Võ Văn Y lập, ông cùng các anh chị em trong gia đình đều ký vào Tờ chúc thư này. Ngoài Tờ chúc thư này không có Tờ chúc thư nào khác. Nội dung trong Tờ chúc

thư thể hiện đúng như ông Võ Văn T và ông Võ Văn Đ trình bày. Ông thống nhất với kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn chi nhánh Đà Nẵng, không có ý kiến gì và có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế là nhà và đất và có nghĩa vụ bồi trả kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại.

+ Bà Võ Thị Thùy T trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của ông Võ Văn T về hàng thừa kế thứ nhất và di sản thừa kế của cha mẹ để lại là đúng. Hiện nay nhà và đất do gia đình vợ chồng ông Võ Văn C và Bà đang ở và quản lý. Toàn bộ phần gian nhà trước của tầng trệt căn nhà hiện nay đang cho ông Lê Quốc C thuê để kinh doanh lĩnh vực điện tử - tin học nhưng đến nay đã hết thời hạn thuê. Nhà và đất từ trước đến nay vẫn y như cũ, không có xây sửa gì cả nên bà không có yêu cầu thanh toán chi phí bảo quản di sản và cũng không có yêu cầu nhận nhà vì không có khả năng bồi tiền.

Bà xác nhận Tờ chúc thư lập ngày 27/11/2005 do ông Võ Văn T cung cấp đúng là do cụ Y lập, bà cùng các anh chị em trong gia đình có ký vào Tờ chúc thư này. Ngoài Tờ chúc thư này không có Tờ chúc thư nào khác. Bà cũng có nguyện vọng giữ lại ngôi nhà này làm của chung và nơi thờ tự cha mẹ cũng như ông bà tổ tiên. Tuy nhiên do các anh em trong gia đình có tranh chấp mà không thể hòa giải được nên bà đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật. Bà thống nhất với kết quả thẩm định giá của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn chi nhánh Đà Nẵng, không có ý kiến gì và không có yêu cầu được nhận di sản thừa kế là nhà và đất.

Tại bản án dân sự thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 652, 653, 655, 674, 675, 676, 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với ông Võ Văn C về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Xử:

Giao cho ông Võ Văn T1 được quyền sở hữu và sử dụng 01 ngôi nhà có kết cấu móng, trụ, dầm bê tông cốt thép, sàn gỗ và bê tông cốt thép, mái lợp tôn, trần nhôm, nền gạch ceramic và gạch hoa có diện tích xây dựng 72,1m², diện tích sử dụng 150,23m² tọa lạc trên diện tích đất 79,4m², (đã được chứng nhận) và 1,91m² (chưa được chứng nhận) thuộc thửa 263, tờ bản đồ số 10 tại số 82 đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401090622 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/6/2000 đứng tên ông Võ Văn Y và bà Võ Thị C, có tứ cận: Phía Đông giáp nhà 80 L, phía Tây giáp nhà 84, 88 L, phía Nam giáp đường L, phía Bắc giáp khu tập thể 176 Phan Chu Trinh. Trị giá nhà và đất 15.681.969.450 đồng. (Mười lăm tỷ, sáu trăm tám mươi một ngàn, chín trăm sáu mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi đồng).

Ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ thời trả lại tiền chênh lệch tài sản chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo di chúc và theo pháp luật:

- Bà Võ Thị Thanh X, bà Võ Thị Phương L, ông Võ Văn T, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn D, ông Võ Văn C mỗi người được thời trả: 1.425.633.586 đồng.

- Ông Võ Văn T được thời trả là: 1.425.633.586 đồng + 712.816.793 đồng (Lô hương khói cho bà C1) + 356.408.396 đồng (gửi Ngân hàng thờ phụng tổ tiên) = 2.494.858.775 đồng.

- Bà Võ Thị Thu T được thời trả là: 1.425.633.586 đồng + 712.816.793 đồng (gửi Ngân hàng để lo giỗ kỵ thờ cúng ông bà, cha mẹ) = 2.138.450.379 đồng.

- Ông Phạm T2, chị Phạm Vũ Anh T1, anh Phạm Vũ Anh T1, mỗi người được thời trả là: 237.605.597 đồng.

- Anh Võ Thanh K được thời trả là: 356.408.396 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ tiền để tạo lập nơi ở mới của của 08 đồng thừa kế cho ông Võ Văn C và bà Võ Thị Thùy T, mỗi đồng thừa kế là: 250.000.000 đồng, tổng cộng: 2.000.000.000 đồng. Chia phần bà Võ Thị Thùy T được nhận hỗ trợ tiền từ bà Võ Thị Phương L, ông Võ Văn T, ông Võ Văn D, tổng cộng: 750.000.000 đồng, ông Võ Văn C được nhận hỗ trợ tiền từ ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu C1 (do ông T quản lý giao lại), bà Võ Thị Thanh X, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ; tổng cộng: 1.250.000.000 đồng.

Ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi sang tên chủ quyền trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà trên đất phù hợp với thực tế theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 15/01/2020 bị đơn ông Võ Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo xác định rõ yêu cầu kháng cáo là không phân chia nhà đất tại 82 L thành phố Đà Nẵng vì đây là nhà của cha ông để lại, là của chung dùng vào việc thờ phụng ông bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xác định di sản thừa kế và người được hưởng thừa kế: Cụ Y và cụ C có tạo lập được tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401090622 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/6/2000 đứng tên ông Võ Văn Y và bà Võ Thị C là 01 ngôi nhà cấp 4, mái ngói + tôn; sàn gỗ, số tầng: Một + gác lửng, diện tích xây dựng 70,30m², diện tích sử dụng là 107,68m² tọa lạc trên diện tích đất 79,4m² tại số 82 đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Qua đo đạc thực tế, sau khi quy hoạch tuyến đường L và bị thành phố thu hồi thì nhà có kết cấu móng, trụ, dầm bê tông cốt thép, sàn gỗ và bê tông cốt thép, mái lợp tôn, trần nhôm, nền gạch ceramic và gạch hoa có diện tích xây dựng 72,1m², diện tích sử dụng 150,23m² tọa lạc trên diện tích đất 79,4m² (đã được chứng nhận) và 1,91m² (chưa được chứng nhận). Tổng giá trị di sản được định giá là: 15.681.969.450 đồng.

Cụ Y và cụ C kết hôn trước năm 1945, có 10 người con chung là bà Võ Thị Thanh X, bà Võ Thị Phương L, bà Võ Thị T1 C1 (chết 2005), ông Võ Văn T, ông Võ Văn T, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn D, bà Võ Thị Thùy T, ông Võ Văn C.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Văn C về nội dung không đồng ý phân chia di sản vì đây là nhà ông bà để lại dùng để thờ phụng

Nhà đất tại số 82 đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng được Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401090622 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/6/2000 đứng tên ông Võ Văn Y và bà Võ Thị C, được xác định là di sản thừa kế của cụ C, cụ Y. Ông Võ Văn T là con ruột của cụ C, cụ Y nên thuộc hàng thừa kế thứ nhất; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đều là người thừa kế trong trường hợp này. Theo quy định tại Điều 636 Bộ luật Dân sự 2005 thì kể từ thời điểm cụ C và cụ Y chết, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Do việc phân chia di sản không được những người thừa kế thỏa thuận phân chia nên ông T đã yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng pháp luật. Di sản là nhà đất tại 82 L, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất nhỏ và đều có nhà trên đất nên không thể phân chia bằng hiện vật; Bản án sơ thẩm đã giao di sản cho người có yêu cầu nhận di sản và phân chia bằng giá trị là hợp lý. Di chúc của cụ Võ Văn Y lập ngày 27/11/2005 được tất cả những người con còn sống ký tên và về nội dung thì di chúc cũng chia đều di sản cho những người con của cụ Y, sau khi dành một ít để thực hiện nghĩa vụ thờ cúng chung. Theo ông Võ Văn C thì vào năm 2005, cha ông có để lại Tờ chúc thư, trong Tờ chúc thư thể hiện nguyện vọng của cha ông là giao nhà và đất này cho vợ chồng ông và chị gái ông ở và thờ cúng ông bà tổ tiên, không có mua bán hay chia chác gì cả; tuy nhiên cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông C không cung cấp được Tờ chúc thư này, như vậy là không có chứng cứ chứng minh. Kháng cáo của ông C về nội

dung này không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Bản án sơ thẩm đã chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của C và chia theo Di chúc đối với phần di sản của cụ Y là có căn cứ. Do không có yêu cầu xem xét về kỹ phần thừa kế theo phân chia của bản án sơ thẩm nên HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Bản án sơ thẩm không trích phần công sức cho ông Võ Văn C và bà Võ Thị Thùy T là thiếu sót. Ông C không đồng ý phân chia di sản và không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp vào việc trực tiếp quản lý, bảo quản di sản. Theo Án lệ 05/2016 phải xem xét về công sức đóng góp của ông C và bà T, vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức. Tuy nhiên vì ông C không yêu cầu nên những đồng thừa kế khác đã nhận trách nhiệm đóng góp hỗ trợ cho ông C và bà T tổng số tiền 2.000.000.000 đồng, cao hơn nhiều phần chi phí công sức nếu được tính thanh toán, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm tất cả đều thống nhất nội dung này nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên cần yêu cầu các đồng thừa kế đã nhận trách nhiệm hỗ trợ thì khi án có hiệu lực thi hành thì phải nhanh chóng thực hiện nghĩa vụ này để ông Võ Văn C và bà T có điều kiện nhanh chóng ổn định chỗ ở mới.

[4] Xét các đồng thừa kế là ông Võ Văn C và bà Võ Thị Thùy T chưa có nhà ở nhưng không có yêu cầu được nhận ngôi nhà và quyền sử dụng đất. Ông Võ Văn T1 và ông Võ Văn Đ đều có nhu cầu nhận nhà, riêng ông T1 có điều kiện thối tiền chênh lệch tài sản lại cho các đồng thừa kế. Do vậy, Bản án sơ thẩm xét giao cho ông Võ Văn T1 được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại số 82 đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, trị giá 15.681.969.450 đồng và buộc ông Võ Văn T1 phải có nghĩa vụ thối trả tiền giá trị kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên do hộ gia đình ông C và hộ bà T đang ở trong ngôi nhà này nhưng không có sẵn chỗ ở khác, do vậy cần cho hộ gia đình ông Võ Văn C và hộ gia đình bà Võ Thị Thùy T được tiếp tục lưu cư tại căn nhà này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành để có điều kiện chuẩn bị cho chỗ ở mới là hợp lý. Việc quy định thời hạn lưu cư này được HĐXX phúc thẩm điều chỉnh bổ sung mà không cần thiết phải sửa án sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới nên không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Võ Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 652, 653, 655, 674, 675, 676, 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Phân chia di sản thừa kế của cụ Võ Văn Y và cụ Võ Thị C là nhà, đất tại số 82 đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng như sau:

2.1 - Giao cho ông Võ Văn T1 được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là di sản tại địa chỉ Số 82 đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng cụ thể: ngôi nhà có diện tích xây dựng $72,1m^2$, diện tích sử dụng $150,23m^2$ tọa lạc trên diện tích đất $79,4m^2$, (đã được chứng nhận) và $1,91m^2$ (chưa được chứng nhận) thuộc thửa 263, tờ bản đồ số 10 tại số 82 đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401090622 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/6/2000 đứng tên ông Võ Văn Y và bà Võ Thị C, có tứ cận: Phía Đông giáp nhà 80 L, phía Tây giáp nhà 84, 88 L, phía Nam giáp đường L, phía Bắc giáp khu tập thể 176 Phan Chu Trinh. Trị giá nhà và đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 15.681.969.450 đồng. (*Mười lăm tỷ, sáu trăm tám mươi một ngàn, chín trăm sáu mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi đồng*).

2.2 - Ông Võ Văn T1 có nghĩa vụ bồi trả lại tiền theo các kỷ phần đã được phân chia thừa kế theo pháp luật và theo di chúc cho các đồng thừa kế như sau:

- Bà Võ Thị Thanh X, bà Võ Thị Phương L, ông Võ Văn T, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn D, ông Võ Văn C mỗi người được ông T1 bồi trả: 1.425.633.586 đồng. (Riêng ông Võ Văn Đ đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ là bà Trần Thị N, anh Võ Văn D, cháu Võ Trần Bảo N1 cùng được nhận số tiền là kỷ phần của ông Đ).

- Ông Võ Văn T được ông T1 bồi trả là: 1.425.633.586 đồng + 712.816.793 đồng (Lo hương khói cho bà C1) + 356.408.396 đồng (chi phí thờ cúng tổ tiên) = 2.494.858.775 đồng.

- Bà Võ Thị Thu T được ông T1 bồi trả là: 1.425.633.586 đồng + 712.816.793 đồng (chi phí giỗ kỵ thờ cúng ông bà, cha mẹ) = 2.138.450.379 đồng.

- Ông Phạm T2, chị Phạm Vũ Anh T1, anh Phạm Vũ Anh T1, mỗi người được ông T1 bồi trả là: 237.605.597 đồng.

- Anh Võ Thanh K được ông T1 bồi trả là: 356.408.396 đồng.

2.3 - Bà Võ Thị Thanh X, bà Võ Thị Phương L, ông Võ Văn T, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn D, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu C1 (do ông T quản lý giao), ông Võ Văn T1 hỗ trợ cho ông Võ Văn C và bà Võ Thị Thùy T, mỗi đồng thừa kế là 250.000.000 đồng, tổng cộng: 2.000.000.000 đồng. Chia phần bà Võ Thị Thùy T được nhận hỗ trợ tiền từ bà Võ Thị Phương L, ông Võ Văn T, ông Võ Văn D, tổng cộng: 750.000.000 đồng; ông Võ Văn C được nhận hỗ trợ tiền từ

ông Võ Văn T, bà Võ Thị Thu C1 (do ông T quản lý giao lại), bà Võ Thị Thanh X, ông Võ Văn T1, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn Đ, tổng cộng: 1.250.000.000 đồng.

2.4 – Ông Võ Văn C và bà Võ Thị Thu T được tiếp tục lưu cư tại nhà 82 L, thành phố Đà Nẵng trong thời hạn 06 tháng, để có thời gian chuẩn bị chỗ ở mới.

2.5 - Ông Võ Văn T1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà trên đất phù hợp với thực tế theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền được nêu trong quyết định của bản án, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002551 ngày 16/01/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long